

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH CÀ MAU  
Số: 2101 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Cà Mau, ngày 30 tháng 10 năm 2020

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung  
trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp  
thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính và Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 1523/QĐ-BKHĐT ngày 19/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 42/TTr-SKHĐT ngày 26/10/2020.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 09 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố tại Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 23/9/2019 (kèm theo danh mục).

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Cục KSTTHC, VPCP (CDVCQG);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Phòng CCHC (Đời, 146);
- Lưu: VT, LAI.



**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Văn Bi**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
TỈNH CÀ MAU**



(Kèm theo Quyết định số **2101** /QĐ-UBND ngày **30** tháng 10 năm 2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)

Số TT	Mã TTHC Địa phương	Tên thủ tục hành chính	Căn cứ văn bản quy định sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính
<b>I. Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 23/9/2019</b>			
1.	2.001610.00 0.00.00.H12	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp
2.	2.001583.00 0.00.00.H12	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	
3.	2.001199.00 0.00.00.H12	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	
4.	2.002043.00 0.00.00.H12	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	
5.	2.002042.00 0.00.00.H12	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	
6.	2.002069.00 0.00.00.H12	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
7.	2.002079.00 0.00.00.H12	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	
8.	2.002072.00 0.00.00.H12	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	
9.	2.002084.00 0.00.00.H12	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	

**Tổng số danh mục có 09 thủ tục hành chính./.**


**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG**



**DOANH NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH CÀ MAU**  
 Quyết định số 2101 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau


Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	<p>1. Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ, thủ tục hành chính trực tiếp đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau thông qua Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Cà Mau (Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà Viettel, số 298, đường Trần Hưng Đạo, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau), sau đây viết tắt cách thức thực hiện, địa điểm thực hiện thủ tục hành chính là “Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh”.</p> <p>2. Hoặc nộp trực tuyến, nếu đủ điều kiện và có giá trị như nộp trực tiếp tại một trong các địa chỉ sau (sau đây viết tắt là “Trực tuyến”):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cổng Dịch vụ công quốc gia, đăng ký tại địa chỉ website <a href="https://dangky.dichvucong.gov.vn/register">https://dangky.dichvucong.gov.vn/register</a>.</li> <li>- Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh Cà Mau, địa chỉ website <a href="http://dvctt.camau.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh">http://dvctt.camau.gov.vn/thu-tuc-hanh-chinh</a> (Sở Kế hoạch và Đầu tư);</li> <li>- Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp tại địa chỉ <a href="https://dangkykinhdoanh.gov.vn">https://dangkykinhdoanh.gov.vn</a>.</li> </ul> <p>3. Thời gian tiếp nhận vào giờ hành chính các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày nghỉ lễ theo quy định), cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Buổi sáng: Từ 07 giờ 00 phút đến 11 giờ 00 phút.</li> <li>- Buổi chiều: Từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút.</li> </ul>						
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm)	- Trực tiếp; - Trực tuyến.	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nếu đăng ký trực tiếp.	- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội (Luật Doanh nghiệp năm 2014);	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		01/03 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33%), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	<p>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ);</p> <p>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ (Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ);</p> <p>- Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia</p>	mã hồ sơ "2.001610" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia



		Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						<p>bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp (Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ);</p> <p>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư);</p> <p>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ</p>	


Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
						trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư); - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	
2.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/03 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33%), kể từ khi	- Trực tiếp; - Trực tuyến.	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TT&HC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập	- Luật Doanh nghiệp năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.001583" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia


Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.</li> </ul>	
3.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/03 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33%), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp;</li> <li>- Trực tuyến.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh.</li> <li>- Cơ quan, đơn vị thực hiện: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nếu đăng ký trực tiếp.</li> <li>- Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp năm 2014;</li> <li>- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ;</li> <li>- Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ;</li> <li>- <i>Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ;</i></li> <li>- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> <li>- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;</li> </ul>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “2.001199” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia



Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					doanh.	- Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
4.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/03 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33%), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp; - Trực tuyến.	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	- Luật Doanh nghiệp năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.002043" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia


Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	làm việc (cắt giảm 01/03 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33%), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.	đồng, nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ</i> ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “2.002069” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
7.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ	- Trực tiếp; - Trực tuyến.	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện:	- Lệ phí đăng ký: 50.000 đồng, nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn lệ	- Luật Doanh nghiệp năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 122/2020/NĐ-CP</i>	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “2.002079”

	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
5. Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Trong thời hạn 02 ngày làm việc (cắt giảm 01/03 ngày, tỷ lệ cắt giảm 33%), kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp; - Trực tuyến.	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Lệ phí: 50.000 đồng/lần, nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	- Luật Doanh nghiệp năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “2.002042” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
6. Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng	Trong thời hạn 02 ngày	- Trực tiếp; - Trực tuyến.	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm	- Lệ phí đăng ký: 50.000	- Luật Doanh nghiệp năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục



		Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	hồ sơ hợp lệ.		Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.	phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	ngày 15/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	trên Cổng Dịch vụ công quốc gia
8.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp; - Trực tuyến.	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Lệ phí đăng ký: 50.000 đồng, nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua	- Luật Doanh nghiệp năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ “2.002072” trên Cổng Dịch vụ công quốc gia

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
					mạng điện tử.	trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	
9.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp; - Trực tuyến.	- Cơ quan, đơn vị tiếp nhận và trả kết quả trực tiếp: Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh. - Cơ quan, đơn vị thực hiện: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư.	- Lệ phí đăng ký: 50.000 đồng, nếu đăng ký trực tiếp. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử.	- Luật Doanh nghiệp năm 2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018 của Chính phủ; - <i>Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15/10/2020 của Chính phủ;</i> - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Bộ	Các bộ phận tạo thành cơ bản còn lại của thủ tục được kết nối, tích hợp theo mã hồ sơ "2.002084" trên Cổng Dịch vụ công quốc gia



		<b>Thời hạn giải quyết</b>	<b>Cách thức thực hiện</b>	<b>Địa điểm thực hiện</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có)</b>	<b>Căn cứ pháp lý</b>	<b>Ghi chú</b>
						trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	

**Tổng số danh mục có 09 thủ tục hành chính./.**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH  
NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ  
ĐẦU TƯ CÓ THỰC HIỆN VÀ KHÔNG THỰC HIỆN TIẾP NHẬN HỒ SƠ,  
TRẢ KẾT QUẢ QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH VÀ TRUNG TÂM  
GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TỈNH**

(Kèm theo Quyết định số **2101** /QĐ-UBND ngày **30** tháng 10 năm 2020  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau)



Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính			
		Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	
		Có	Không	Có	Không
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Doanh nghiệp cấp tỉnh</b>	<b>09</b>	<b>0</b>	<b>09</b>	<b>0</b>
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	X		X	
2.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	X		X	
3.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	X		X	
4.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	X		X	
5.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	X		X	
6.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X		X	
7.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	X		X	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Thủ tục hành chính			
		Trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích		Tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Giải quyết TTHC tỉnh	
		Có	Không	Có	Không
8.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	X		X	
9.	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	X		X	

**Tổng số danh mục có 09 thủ tục hành chính./.**